TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117 /2020/HNGĐ - PT
Ngày: 28/7/2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền .**

Các thẩm phán: **Ông Ngô Tiến Phong**

Bà Bùi Thị Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2020/TLPT- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐXXPT - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm: 1983.

HKTT: 184 QT, quận B, Hà Nội. Hiện ở: 66/B2 ngõ TP, Đ, quận Đ, Hà Nội (có mặt, không có kháng cáo)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh năm: 1987.

HKTT: Số 10 HT, quận K, Hà Nội. Hiện ở: Số 72 G, B, quận K, Hà Nội (có mặt, có kháng cáo)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Tân H, sinh năm 1954 (vắng mặt, không có kháng cáo)

HKTT: Số 184 QT, quận B, Hà Nội. Hiện ở: 66/B2 ngõ TP, Đ, quận Đ, Hà Nội.

- Ngân hàng NT Việt Nam.

Địa chỉ: 198 TQK, quận K, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: bà Đậu Thị Thúy V – Giám đốc chi nhánh TC.

Ủy quyền lại cho: ông Phí Đặng H, bà Nguyễn Thị Minh N – Phó phòng khách hàng bán lẻ

chi nhánh TC

(vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Công ty cổ phần F Việt Nam.

Trụ sở: B11, X4, tổ 52, MD, quận G, Hà Nội.

Văn phòng: Tầng 17, Tòa nhà Vinaconex, 34 L, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Lã Xuân H – Tổng giám đốc

(vắng mặt, không có kháng cáo)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Quang V trình bày:

Anh V và chị L đăng ký kết hôn ngày 14/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường QT trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng Anh V chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng Anh V không sống chung từ tháng 6/2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên Anh V đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh V, chị L không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng Anh V có:

- 01 chiếc ô tô con nhãn hiệu BMW, màu trắng, biển kiểm soát 30A-643.84; số khung 11040C565979; số máy 7399N52B30BF; Giấy đăng ký xe số 097184 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 18/4/2015. Nguồn gốc hình thành tài sản này là do trước đó, ngày 06/4/2015, anh có mua lại ô tô biển kiểm soát: 51A – 472.22 từ vợ chồng ông Huỳnh Văn X và bà Diệp Thị Ánh Y theo Hợp đồng mua bán xe số 2990PX/2015/HĐMB lập ngày 06/4/2015 tại văn phòng Công chứng Trần Thiết. Sau đó anh làm thủ tục đăng ký sang tên với biển kiểm soát 30A-643.84. Đề nghị tòa án xác nhận 01 ô tô con trên là tài sản riêng của anh.

- Căn hộ chung cư số 02, tầng 20, tòa nhà N03-T4, Khu ngoại giao đoàn, Z, Hà Nội (gọi tắt là Căn hộ) theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 2002-T4/HĐMB/NGĐ.N03-T3&T4 ngày 18/12/2015 (gọi tắt là Hợp đồng mua bán) giữa anh và Công ty cổ phần F Việt Nam (gọi tắt là Công ty) có giá 2.768.498.094 đồng. Toàn bộ số tiền dùng để mua căn hộ chung cư này là do anh vay của bà H (mẹ đẻ anh) cụ thể bao gồm:

- Anh V vay tiền mặt của bà H, sau đó trực tiếp chuyển khoản để thanh toán theo các đợt thanh toán cho chủ đầu tư. Hiện anh còn lưu giữ những chứng từ, sao kê thể hiện cho việc chuyển khoản này.

-Còn lại, bà H đã sử dụng tài khoản cá nhân của mình chuyển khoản thanh toán cho chủ đầu tư với số tiền gần 800.000.000 đồng. Như vậy, chị L không có bất kỳ đóng góp nào trong số tiền dùng để mua căn hộ nêu trên. Do vậy, anh kính đề nghị Tòa án công nhận căn hộ là tài sản riêng của anh, để anh tiếp tục thực hiện các

nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán căn hộ.

Về khoản nợ chung:

Trong thời kỳ hôn nhân Anh V, chị L và bà H đã Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/17/HĐTD/5845293 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng)vào ngày 21/10/2017 với Ngân hàng NT Việt Nam, chi nhánh TC (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền là: 6.000.000.000 đồng. Bà H có đứng ra thế chấp thửa đất của bà H tại địa chỉ số 66/B2 ngõ TP, phường Quốc Tử Giám, quận Đ, Hà Nội để bảo đảm cho nghĩa vụ của anh, chị L, bà H. Anh trực tiếp nhận số tiền 6.000.000.000 đồng từ Ngân hàng và đang tiến hành trả nợ Ngân hàng theo đúng quy định của Hợp đồng tín dụng.

Số tiền vay Ngân hàng này một phần anh sử dụng để trả nợ tiền mua căn hộ từ việc vay mẹ anh, phần còn lại thì vợ chồng anh và mẹ anh tiến hành chi tiêu. Đến nay, anh cam kết một mình anh có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 6.000.000.000 đồng. Chị L không phải có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ Hợp đồng tín dụng này.

***Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày**: Chị xác định về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như Anh V đã trình bày là đúng. Vợ chồng chị sống hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân nhau và hai bên không quan tâm chăm sóc nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị L không có con chung.

Về tài sản chung:

- Chị L đồng ý xe ô tô con nhãn hiệu BMW, màu trắng, biển kiểm soát 30A-643.84 đăng ký tên anh Nguyễn Quang V là tài sản riêng của Anh V.

- Căn hộ trên anh chị mua năm 2017 với giá 2.768.498.094 đồng. Anh chị đã trả được 95% giá trị căn hộ với số tiền là 2.630.073.000 đồng.Chị đề nghị chia tài sản chung vợ chồng là số tiền anh chị đã bỏ ra mua căn hộ là theo tỷ lệ: 50/50. Chị xin nhận bằng tiền mặt.

Về khoản nợ chung: Khoản vay nợ tại Ngân hàng chị L không nhận tiền và không tiêu số tiền đó. Chị đề nghị nhận trách nhiệm một phần đối với Ngân hàng

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tân H trình bày**:

Toàn bộ số tiền dùng để mua Căn hộ là bà cho Anh V vay. Việc vay được thực hiện thành 06 đợt. Cứ đến thời hạn đóng tiền thì bà đưa tiền cho Anh V đóng. Việc cho vay này không có thời hạn và không có lãi suất.

Bà và Anh V đã thống nhất đề nghị Tòa án công nhận căn hộ trên là tài sản riêng của Anh V để khấu trừ nghĩa vụ trả nợ dù tài sản này hình thành trong thời kỳ hôn nhân của Anh V, chị L. Nếu chị L khước từ phần quyền sở hữu căn hộ thì bà và Anh V sẽ có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền 6.000.000.000 đồng

Tại bản án số 02/2020 ngày 17/01/2019 của TAND quận K đã xét xử và căn cứ - Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự đã căn cứ:

- Điều 29; Điều 33; Điều 34; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 43; Khoản 1 Điều 55; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2, Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật phí, lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang V và chị Nguyễn Thị Thùy L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, khoản nợ:

3.1. Xác định tài sản riêng của anh Nguyễn Quang V là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu BMW, màu trắng, Giấy đăng ký xe số 097184 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/4/2015; Biển kiểm soát 30A-643.84.

3.2. Xác định tài sản chung vợ chồng của anh Nguyễn Quang V và chị Nguyễn Thị Thùy L là số tiền 1.839.682.000 đồng, anh Nguyễn Quang V đã trả cho Công ty cổ phần F Việt Nam là theo hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 2002-T4/HĐMB/NGĐ. N03-T3&T4 ngày 18/12/2015 được giao kết giữa anh Nguyễn Quang V và Công ty cổ phần F Việt Nam để mua Căn hộ chung cư số 02, tầng 20, tòa nhà N03-T4, Khu ngoại giao đoàn, Z, Hà Nội.

3.3. Chia tài sản chung vợ chồng anh Nguyễn Quang V và chị Nguyễn Thị Thùy L là số tiền 1.839.682.000 đồng theo tỷ lệ 50/50. Anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Thùy L mỗi người được hưởng số tiền là: 919.814.000 đồng.

3.4. Giao Căn hộ chung cư số 02, tầng 20, tòa nhà N03-T4, Khu ngoại giao đoàn, Z, Hà Nội cho anh Nguyễn Quang V và anh Nguyễn Quang V phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền là: 919.814.000 đồng. Anh V tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 2002-T4/HĐMB/NGĐ.N03-T3&T4 ngày 18/12/2015 được giao kết giữa anh Nguyễn Quang V và Công ty cổ phần F Việt Nam và làm thủ tục xác định Căn hộ chung cư số 02, tầng 20, tòa nhà N03-T4, Khu ngoại giao đoàn, Z, Hà Nội là tài sản riêng anh Nguyễn Quang V khi anh Nguyễn Quang V thực hiện xong các nghĩa vụ của Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 2002-T4/HĐMB/NGĐ.N03-T3&T4 ngày 18/12/2015.

3.5. Xác định khoản nợ chung vợ chồng của anh Nguyễn Quang V và chị Nguyễn Thị Thùy L đối với bà Nguyễn Thị Tân Hlà số tiền là: 1.839.682.000 đồnganh Nguyễn Quang V đã trả cho Công ty cổ phần F Việt Nam. Chia khoản nợ chung vợ chồngcủa anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Thùy L theo tỷ lệ 50/50. Anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Thùy L mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Tân H số tiền là: 919.814.000 đồng. Đối trừ nghĩa vụ anh Nguyễn Quang V với chị Nguyễn Thị Thùy L thì anh Nguyễn Quang V phải trả cho bà Nguyễn Thị Tân H tổng cộng số tiền là:1.839.682.000 đồng.

3.6. Anh Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị Tân H phải liên đới tiếp tục thực

hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/17/HĐTD/5845293 ngày 21/10/2017 với Ngân hàng NT Việt Nam tính đến ngày 14/01/2020 với số tiền vay là: Tiền gốc: 4.821.440.000 đồng; Tiền lãi: 26.352.802 đồng. Tổng cộng là: 4.847.792.802 đồng. Chị Nguyễn Thị Thùy L không phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/17/HĐTD/5845293 ngày 21/10/2017 đối với Ngân hàng NT Việt Nam.

4. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/01/2020, chị Nguyễn Thị Thùy L không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên đã có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét

Tại phiên tòa phúc thẩm,Chị L xin đoàn tụ và đề nghị xác định căn nhà chung cư là tài sản chung đề nghị chia đôi , khoản nợ chị chỉ ký nhưng không nhận tiền nên không chịu trách nhiệm, không công nhận xe ô tô là tài sản riêng của Anh V và yêu cầu xem xét, đồng thời đề nghị chia nhà Park city là tài sản chung vợ chồng đề nghị chia đôi .

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Anh V có quan điểm bảo vệ quyền lợi cho Anh V, nhất trí như bản án sơ thẩm . Anh V nhất trí đề nghị của Luật sư .

Đề nghị Hội đồng xét xử : Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà nội tham gia phiên tòa : Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và nêu ý kiến: Về tố tụng : Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên Tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đơn kháng cáo hợp lệ, đúng hạn luật định,

Về tình cảm mâu thuẫn căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn, Anh V kiên quyết xin ly hôn, đề nghị chấp nhận đơn ly hôn của Anh V

Về ô tô : Có căn cứ xác nhận là tài sản riêng của Anh V.

Về nhà đất: Căn hộ chung cư, qua tài liệu chứng cứ thu thập được, xác định là tài sản trong thời kỳ hôn nhân, tiền mua nhà chủ yếu là của Anh V, bà H.

Về căn hộ chung cư đã bán: không thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm vì cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết , Dành quyền yêu cầu này cho chị L : Về nợ quá trình giải quyết vụ án phia Anh V , chị L không nợ bà H nên cấp sơ thẩm xác định trả nợ cho bà H là không chính xác. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều

308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy L nộp ngày 20/01/2020 và đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ là bà H không có kháng cáo, xin xét xử vắng mặt, Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam không có kháng cáo và xin xét xử vắng mặt. Công ty cổ phần F Việt Nam không có kháng cáo nên Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung : Xét kháng cáo của chị L

-Về tình cảm: Anh Nguyễn Quang V tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Thùy L ngày 14/4/2020 tại UBND phường QT, quận B, TP Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp.Về tình cảm, tại cấp sơ thẩm anh chị thuận tình ly hôn, tại cấp phúc thẩm, chị L kháng cáo xin đoàn tụ. Anh V xác nhận tình cảm không còn, chị Linh xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn khắc phục, chị L cũng đã đi ra khỏi nhà Anh V nên không có cơ hội đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của Anh V. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L.

- Về con chung: Không có con chung, không xét

-Về tài sản:

+**Về ô tô**: hai bên xác nhận:

Chiếc ôtô con nhãn hiệu BMW, màu trắng, Giấy đăng ký xe số 097184 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/4/2015; Biển kiểm soát 30A-643.84. Nguồn gốc hình thành tài sản này, ngày 06/4/2015, Anh V có mua lại ô tô biển kiểm soát: 51A – 472.22 từ vợ chồng ông Huỳnh Văn X và bà Diệp Thị Ánh Y theo Hợp đồng mua bán xe số 2990PX/2015/HĐMB lập ngày 06/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Trần Thiết. Sau đó anh làm thủ tục đăng ký sang tên với biển kiểm soát 30A-643.84.

Tại cấp sơ thẩm chị L xác định chiếc ô tô là tài sản riêng của Anh V. Tại cấp phúc thẩm chị L kháng cáo đề nghị xem xét tuy nhiên xét thấy tài sản này hình thành trước thời kỳ hôn nhân và không có tài liệu nào chứng minh sự đóng góp của chị L. Hơn nữa, Anh V không nhất trí sáp nhập vào khối tài sản chung nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

+Về căn hộ:

Căn hộ chung cư số 02, tầng 20, tòa nhà N03-T4, Khu ngoại giao đoàn, Z, Hà Nội được mua theo hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 2002-T4/HĐMB/NGĐ.N03-T3&T4 ngày 18/12/2015 giữa anh Nguyễn Quang V và Công ty cổ phần F Việt Nam. Về hợp đồng mua bán các bên đủ điều kiện giao kết hợp đồng, các bên không xảy ra tranh chấp nên hợp đồng có hiệu lực để thi hành. Căn hộ trên, Anh V trả Công ty cổ phần F Việt Nam theo từng đợt, căn cứ theo các tài liệu, Anh V vẫn chưa hoàn tất việc trả tiền theo hợp đồng đã ký. Số tiền Anh V đã trả cho Công ty là 1.839.682.000 đồng. Số tiền trên do Anh V và chị L , bà H vay mượn mà có. Các khoản tiền đã đóng từng đợt, các hóa đơn chứng từ thể hiện:

Ngày 21/12/2015, Anh V nộp số tiền 493.758.400 đồng cho Công ty cổ phần F Việt Nam (BL145).

Ngày 4/10/2018, bà H nộp 400.000.000đồng tại BL146.

Ngày 6/12/2018, bà H nộp 390.391.000đồng. Như vậy mọi giao dịch đều do Anh V và bà H ký.

Quá trình mua bán căn hộ, chị L không tham gia giao dịch, mặc dù tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng nếu chia chị L ½ giá trị tài sản thì chị L phải chịu nghĩa vụ trả nợ ½ vượt quá giá trị mà chị L được hưởng. Tại Tòa án, phía Anh V tự nguyện xin sở hữu nhà và chịu trách nhiệm trả nợ nên cần ghi nhận.

Nên hội đồng xét xử để Anh V thực hiện nghĩa vụ trả nợ và thực hiện nốt hợp đồng và hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng không chia quyền lợi nhà ở này và nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị L. Có như vậy, quyền lợi của chị L được đảm bảo hơn.

+ Về căn hộ Park City: chị L đề nghị chia, Hội đồng xét xử xét thấy: tại cấp sơ thẩm Tòa án đã tạm dừng phiên tòa để chị L cung cấp chứng cứ nhưng chị L không cung cấp được chứng cứ, xét về giới hạn xét xử phải đảm bảo hai cấp xét xử nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Dành quyền yêu cầu này cho chị L khi có yêu cầu. Cấp sơ thẩm chia đôi khoản tiền đóng và buộc Anh V chị L phải trả bà H số tiền đã đóng từng đợt trong lúc bà H không có phản tố độc lập đòi tiền là không đúng và không buộc Anh V chị L trả tiền cho bà H. Số tiền bà H và Anh V đã vay, hai bên vẫn tiếp tục thực hiện trả nợ, không buộc chị L phải thanh toán số nợ trên do Anh V đã tự nguyện nhận nợ. Hợp đồng thế chấp vay nợ hiện Anh V, bà H vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng trả nợ hàng tháng, phía Ngân hàng không có đơn yêu cầu đòi nợ nên không xét.

Anh V và bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng vay mượn với Ngân hàng.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và các đương sự không kháng cáo vắng mặt nên Tòa án xét xự vắng mặt theo luật định.

Tại cấp phúc thẩm Tòa án đã hòa giải, Anh V tự nguyện hỗ trợ chị L một khoản tiền nhưng Anh V không chấp nhận nên không ghi nhận được.

-Về án phí:

Anh Nguyễn Quang V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và hoàn trả

tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003229 ngày 29/08/2019

Vì sửa án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị Thùy L không phải chịu án phí phúc thẩm hoàn trả số tiền 300,000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0017535 ngày 17/2/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận K.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy L;

-Sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

"1.Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Quang V, anh Nguyễn Quang V được ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy L"

2. Về con chung: Không có nên không xét.

3. Về tài sản chung, khoản nợ:

3.1. Xác định tài sản riêng của anh Nguyễn Quang V là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu BMW, màu trắng, Giấy đăng ký xe số 097184 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/4/2015; Biển kiểm soát 30A-643.84.

3.2. Giao Căn hộ chung cư số 02, tầng 20, tòa nhà N03-T4, Khu ngoại giao đoàn, Z, Hà Nội cho anh Nguyễn Quang V. Anh V tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 2002-T4/HĐMB/NGĐ.N03-T3&T4 ngày 18/12/2015 được giao kết giữa anh Nguyễn Quang V và Công ty cổ phần F Việt Nam và làm thủ tục xác định Căn hộ chung cư số 02, tầng 20, tòa nhà N03-T4, Khu ngoại giao đoàn, Z, Hà Nộilà tài sản riêng anh Nguyễn Quang V khi anh Nguyễn Quang V thực hiện xong các nghĩa vụ của Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 2002-T4/HĐMB/NGĐ.N03-T3&T4 ngày 18/12/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quang V thanh toán hết số nợ vay mua nhà và được toàn quyền sở hữu căn nhà ở đã thanh toán hết tiền mua nhà

Anh Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị Tân H phải liên đới tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/17/HĐTD/5845293 ngày 21/10/2017 với Ngân hàng NT Việt Nam tính đến ngày 14/01/2020 với số tiền vay là: Tiền gốc: 4.821.440.000 đồng; Tiền lãi: 26.352.802 đồng. Tổng cộng là: 4.847.792.802 đồng. Chị Nguyễn Thị Thùy L không phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/17/HĐTD/5845293 ngày 21/10/2017 đối với Ngân hàng NT Việt Nam. Dành quyền yêu cầu khởi kiện về căn hộ Park City dành quyền khởi

kiện khi anh chị có yêu cầu .

4.Về án phí:

-Anh Nguyễn Quang V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai AA/2016/0003324 ngày 25/10/2019. Anh V được hoàn trả tiền 20.000.000đ tạm ứng đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003229 ngày 29/08/2019,

- Chị Nguyễn Thị Thùy L không phải chịu án phí phúc thẩm hoàn trả số tiền 300,000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0017535 ngày 17/2/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận K.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận K
- Tòa án nhân dân quận K;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận K
- Tòa án nhân dân quận K;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

quy